

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÍ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 158/QĐ-UBND

Chí Thảo, ngày 09 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán
ngân sách quý III năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHÍ THẢO

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân xã Chí Thảo khóa XX kỳ họp thứ tám nhiệm kỳ 2021 - 2026 về việc Quyết định dự toán thu ngân sách trên địa bàn; chi ngân sách địa phương năm 2024

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Chí Thảo về việc phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2024;

Theo đề nghị của Tài chính - Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2024 của xã Chí Thảo (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Tài chính - Kế toán tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC - KH huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- MTTQ, ĐTN, HPN, HND, HCCB;
- 8 Trưởng xóm;
- Lưu: Vp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lưu Văn Giáp



Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III/2024	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	5.168.906.000	1.829.630.162	35,40
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	70.200.000	12.428.162	17,70
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ			
3	Thu bổ sung	5.098.706.000	1.817.202.000	35,64
	- Thu bổ sung cân đối	5.047.706.000	1.787.202.000	35,41
	- Thu bổ sung có mục tiêu	51.000.000	30.000.000	58,82
4	Thu chuyển nguồn			
II	TỔNG SỐ CHI	5.168.906.000	1.242.064.946	24,03
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	5.068.555.000	1.242.064.946	24,51
3	Dự phòng	100.351.000		



Biểu số 114/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG		DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III/2024	SO SÁNH (%)
			THU NSNN	THU NSX	THU NSNN		
A	B		I	2	3	4	5=3/1 6=4/2
I	Các khoản thu 100%		70.200.000	70.200.000	12.428.162	12.428.162	17,70
	Phí, lệ phí		11.800.000	11.800.000	4.457.000	4.457.000	37,77
	Thu phát, tích thu khác theo quy định				-		
	Thuế Giá trị gia tăng		36.528.000	36.528.000	4.826.800	4.826.800	13,21
	Thuế thu nhập cá nhân		16.372.000	16.372.000	2.413.200	2.413.200	14,74
	Thu khác		-		5.552	5.552	
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		500.000	500.000	28.110	28.110	5,62
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		-		-		
	Lệ phí trước bạ nhà, đất		5.000.000	5.000.000	697.500	697.500	13,95
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)				-		
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		5.098.706.000	5.098.706.000	1.817.202.000	1.817.202.000	35,64
	- Thu bổ sung cân đối		5.047.706.000	5.047.706.000	1.787.202.000	1.787.202.000	35,41
	- Thu bổ sung có mục tiêu		51.000.000	51.000.000	30.000.000	30.000.000	58,82



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2024

Biểu số 115/CK

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÀN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III/2024				SO SÁNH (%)	
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2
						-	1.242.064.946	24,03	24,03
	TỔNG CHI	5.168.906.000		5.168.906.000	1.242.064.946				
	Trong đó								
1	Chi giáo dục	44.440.000		44.440.000	4.680.000		4.680.000	10,53	10,53
2	Chi từng dùng, chuyển giao công nghệ								
3	Chi y tế	120.960.000		120.960.000	38.016.000		38.016.000	31,43	31,43
4	Chi văn hóa, thông tin	18.000.000		18.000.000	-			0,00	0,00
5	Chi phát thanh, truyền thanh								
6	Chi thể dục thể thao	27.000.000		27.000.000	2.465.000		2.465.000	9,13	9,13
7	Chi bảo vệ môi trường	10.000.000		10.000.000				0,00	0,00
8	Chi các hoạt động kinh tế	97.900.000		97.900.000	8.856.000		8.856.000	9,05	9,05
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.608.955.000		4.608.955.000	1.161.965.946		1.161.965.946	25,21	25,21
10	Chi cho công tác xã hội (hưu xã)	141.300.000		141.300.000	26.082.000		26.082.000	18,46	18,46
11	Chi khác	-			-				
12	Dự phòng ngân sách	100.351.000		100.351.000				0,00	0,00